

Giải pháp thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững ở Hải Phòng

ĐÀO VĂN HIỆP

Trong những năm gần đây, Hải Phòng có được những thành tựu trong tăng trưởng và phát triển kinh tế một phần nhờ có sự đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Hải Phòng đã biết tận dụng các lợi thế so sánh của thành phố để thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn này. Tuy nhiên vai trò của FDI trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững tại Hải Phòng như thế nào thì cần được nhìn nhận đúng. Bài viết nêu rõ tác động tích cực và các hạn chế trong việc thu hút, sử dụng FDI của Thành phố, đồng thời đưa ra một số giải pháp thu hút và sử dụng FDI nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững ở Hải Phòng.

1. Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Hải Phòng

Kể từ tháng 1-1990 đến nay, mặc dù tình hình kinh tế chính trị quốc tế luôn có biến chuyển nhanh chóng và phức tạp, Hải Phòng vẫn phát huy được các lợi thế so sánh về vị trí, hệ thống cảng biển, du lịch và các ngành công nghiệp truyền thống để đẩy mạnh thu hút vốn FDI. Trên địa bàn Thành phố đã có 409 dự án FDI được cấp giấy phép đầu tư với tổng số vốn đăng ký là trên 5,083 tỷ USD (bao gồm cả vốn đầu tư điều chỉnh tăng), tuy nhiên tốc độ thu hút vốn FDI qua các năm là không ổn định, số dự án cũng như số vốn đầu tư liên tục biến đổi các qua năm.

Giai đoạn 2006 – 2010 là giai đoạn có nhiều biến động về FDI tại Hải Phòng. Từ năm 2006 đến 2008, thu hút FDI vào Hải

Phòng tăng nhanh (năm 2006: 197,8 triệu USD, năm 2007: 431,37 triệu USD), đặc biệt năm 2008 được coi là năm kỷ lục về số dự án và quy mô (46 dự án cấp mới với tổng vốn (bao gồm vốn điều chỉnh) là 1.615,45 triệu USD). Tuy nhiên từ năm 2009, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, các dự án FDI đăng ký đều thấp, năm 2009 đạt 125,9 triệu USD, năm 2010 ước đạt 200 triệu USD. Tuy giảm sút nhưng phải ghi nhận một điều tích cực là trong 5 năm, Hải Phòng thu hút được 2.671 triệu USD vốn FDI.

Cơ cấu thu hút FDI ngày càng phù hợp với mục tiêu phát triển của Thành phố: tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa (CNH HĐH) hướng về xuất khẩu.

BẢNG 1: Cơ cấu đầu tư đang thực hiện trên địa bàn thành phố (tính đến tháng 3-2011)

TT	Ngành	Số dự án	Số vốn đầu tư (USD)	Tỷ trọng số dự án (%)	Tỷ trọng vốn đầu tư (%)
1	Sản xuất công nghiệp	211	2.160.560.525,8	71,54	49,82
2	Thương nghiệp	19	96.290.687	6,44	2,24
3	Khách sạn, nhà hàng	7	89.475.000	2,37	2,06
4	Vận tải, kho bãi	6	25.590.407	2,03	0,59
5	Xây dựng, kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn	38	1.342.953.625,2	12,88	30,97
6	Giáo dục đào tạo	6	20.156.500	2,03	0,46
7	Văn hóa, thể thao, du lịch	6	596.249.531	2,03	13,75
8	Y tế	1	371.400	0,34	0,008
9	Nông nghiệp	1	4.400.000	0,34	0,102
	Tổng	295	4.336.047.676	100	100

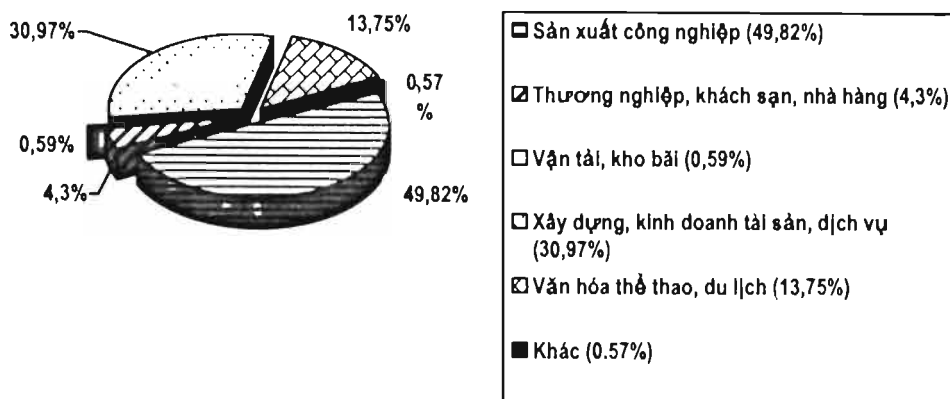
Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng.

Đào Văn Hiệp, TS., Trường đại học Hải Phòng.

Trong các dự án thì công nghiệp chế biến vẫn có ưu thế lớn nhất, gần như tuyệt đối với 209 dự án, 49,82% vốn đầu tư; tiếp đến là xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn gần 31%; văn hóa thể thao chiếm gần 14%; thương nghiệp và

khách sạn, nhà hàng chiếm 4,3%. Nhật Bản, Hàn Quốc chiếm hơn 40% tổng vốn cũng chỉ đầu tư vào công nghiệp, dịch vụ, bất động sản. Nhật Bản đầu tư vào công nghiệp tới 91% tổng vốn, còn Hàn Quốc quan tâm lớn nhất đến bất động sản.

HÌNH 1 : Cơ cấu vốn của các ngành so với tổng vốn đầu tư



Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng.

Các dự án tập trung chủ yếu vào công nghiệp bởi đây là ngành kinh tế trọng điểm của Thành phố. Nhiều năm qua, Hải Phòng về cơ bản chưa có ngành công nghiệp mạnh, chủ yếu vẫn là công nghiệp nhỏ lẻ, lạc hậu, do đó Thành phố khuyến khích các dự án công nghiệp nặng, kỹ thuật cao như: sản xuất thép, điện tử, thiết bị điện, thiết bị y tế. Một loạt chính sách: ưu đãi giá thuê đất, hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng, giảm thuế, hỗ trợ lao động được ban hành, tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Đáng chú ý là ít dự án đầu tư vào một số ngành truyền thống như đóng tàu do vốn cao, thu hồi vốn lâu, lao động chưa có tay nghề cao, nên dù tìm hiểu cơ hội đầu tư nhưng các nhà đầu tư lại bỏ cuộc. Trong công nghiệp cơ khí, vẫn chỉ có một số dự án sản xuất thiết bị nhỏ lẻ.

Dự án thương mại, du lịch, dịch vụ tăng nhanh góp phần mở rộng thị trường giao lưu quốc tế, tăng kim ngạch xuất khẩu chứng tỏ đây là hướng chuyển đúng đắn, bởi mục tiêu của Hải Phòng là tăng nhanh tốc độ tăng trưởng của dịch vụ, sau đó mới đến công, nông nghiệp.

Giao thông vận tải mang lại cho Thành phố thuận lợi trong việc vận chuyển hàng

hóa, hành khách, tuy nhiên, số dự án đầu tư vào lĩnh vực này thấp, do một số công ty đầu tư vào lĩnh vực này bị thua lỗ nên nhiều nhà đầu tư còn e ngại khi đầu tư.

Năm 2008, xu hướng thu hút FDI chuyển sang lĩnh vực bất động sản, xây dựng khu đô thị, văn phòng cao ốc cho thuê. 9 tháng đầu năm 2008, số dự án lĩnh vực này chiếm tới 70% số dự án vào Hải Phòng.

Hải Phòng có nhiều điều kiện thuận lợi về tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên biển, tuy nhiên việc chỉ có một dự án nông nghiệp nhưng chuẩn bị giải thể là chưa tương xứng. Vì thế Thành phố cần sớm có chiến lược phù hợp để phát triển đồng bộ các lĩnh vực, ban hành những cơ chế ưu đãi hơn cho nhà ĐTNN để thu hút thêm nhiều dự án và xứng đáng là trung tâm thủy sản lớn của Miền Bắc.

Thực trạng thu hút đầu tư trên cho thấy, bước đầu cơ cấu ngành nghề có vốn ĐTNN phản ánh việc thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế xã hội của Thành phố theo hướng CNH – HĐH, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh nhằm xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố cảng hiện đại, trung

tâm kinh tế công nghiệp – thương mại và dịch vụ. Cơ cấu trên đã làm tăng tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp và dịch vụ cũng như tác động hỗ trợ cho các ngành công nghiệp, dịch vụ hiện có ở địa phương cùng phát triển. Phương hướng tới cần tập trung đầu tư phát triển một số lĩnh vực và ngành kinh tế mũi nhọn, có hàm lượng kỹ thuật cao như: công nghiệp đóng tàu, cơ khí chế tạo, cảng biển, du lịch.

2. Tác động của FDI đến phát triển kinh tế xã hội Hải Phòng

Hoạt động ĐTNN trong những năm qua đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực, động lực quan trọng trong hoạt động kinh tế xã hội của Thành phố. Các dự án FDI đã góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng.

• *FDI là nguồn vốn quan trọng giúp Thành phố thực hiện và đẩy mạnh CNH-HĐH.*

FDI đã tạo ra gần 1,6 tỷ USD vốn pháp định từ phía nước ngoài, đồng thời kéo theo 0,2 tỷ USD vốn của doanh nghiệp Việt Nam tham gia liên doanh, cho thuê quyền sử dụng đất. Tổng vốn FDI cuối năm 2010 là hơn 4,33 tỷ USD, chiếm gần 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội ở Hải Phòng. Vốn FDI vào Hải Phòng góp phần lớn vào sự phục hồi và phát triển một số ngành truyền thống bị

trì trệ nhiều năm của Thành phố như: giày dép, may mặc, thủy tinh, nuôi và đánh bắt thủy sản (thông qua công nghiệp chế biến), đồng thời tạo điều kiện để giao thông vận tải, sửa chữa tàu biển, du lịch, dịch vụ, thông tin... phát triển.

• *Đóng góp vào tổng sản phẩm của Thành phố.*

Năm 2010, tình hình sản xuất của các doanh nghiệp có vốn FDI đã tăng trở lại so với cùng kỳ năm 2009 do nền kinh tế thế giới trên đà phục hồi. Doanh thu của các doanh nghiệp FDI ước đạt 2.512,1 triệu USD, tăng 21,43% so với cùng kỳ năm 2009. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhìn chung ổn định, từ 11% - 12%/năm, đặc biệt năm 2008, tốc độ tăng là 13,5%. Giá trị sản xuất của khối này năm 2010 ước đạt 20.529,3 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1994), tăng trưởng 17% và đạt 102,5% kế hoạch. Các sản phẩm mũi nhọn, quan trọng được tập trung đầu tư phát triển, làm nền tảng cho CNH - HĐH như: cơ khí, phôi thép, thép tấm, xi măng, nhiệt điện, phân bón... Các dự án FDI hoạt động có hiệu quả như Xi măng Chinfon, Thép Việt Hàn, Việt Úc, có sản phẩm chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, đã góp phần làm tăng giá trị sản lượng công nghiệp ở mức cao và tăng kim ngạch xuất khẩu.

BẢNG 2: Đóng góp của khu vực FDI trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	2000	2005	2010
Tổng GDP	10.487,1	21.371,5	50.568,9
- Khu vực FDI	1.563,6	3.121,1	7.939,3
Tỷ trọng FDI trong GDP (%)	14,9	14,6	15,7
Tổng giá trị sản xuất	24.042,7	58.278,5	196.609,4
- Khu vực FDI	4.945,0	13.452,9	48.365,9
Tỷ trọng FDI trong GDP (%)	20,5	21,6	24,6

Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng, Niên giám thống kê Hải Phòng.

• *Đóng góp vào nguồn thu của ngân sách và các cân đối vĩ mô.*

Các khoản thu (chủ yếu từ thuế) từ các dự án FDI tăng đều qua các năm. Năm 2010

đạt gần 30% so với tổng thu ngân sách toàn thành phố. Chỉ riêng các doanh nghiệp FDI trong các KCN Nomura Hải Phòng, Đình Vũ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Tràng Duệ đưa

vốn vào thực hiện 22 triệu USD; doanh thu đạt 350 triệu USD, trong đó doanh thu xuất khẩu 275 triệu USD, chiếm 79% tổng doanh thu, nộp ngân sách 10 triệu USD. Năm 2010, LS Vina Cable đứng thứ 51 trong 200 doanh nghiệp FDI về thành tích nộp ngân sách cao nhất cả nước, đứng trong 500 doanh nghiệp lớn nhất cả nước.

• *Góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.*

Hoạt động ĐTNN còn có tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng theo hướng CNH – HĐH. Với hơn 70% số vốn đầu tư vào ngành công nghiệp – xây dựng, trong đó tập trung vào một số ngành trọng điểm, mũi nhọn của thành phố đã làm tăng tỷ trọng các phân ngành này, kéo theo sự gia tăng tỷ trọng toàn ngành công nghiệp – xây dựng trong cơ cấu GDP của Thành phố. Đồng thời với sự đầu tư về vốn là sự đầu tư về máy móc, thiết bị và công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao trình độ HĐH trong các ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ. Từ đầu năm 2009, số dự án cấp mới trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại chiếm 53,3% dự án (lớn hơn các dự án công nghiệp) và 32,5% về số vốn, góp phần đẩy nhanh việc xây dựng cơ cấu ngành theo hướng dịch vụ công nghiệp, xây dựng – nông, lâm, thủy sản.

• *FDI góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.*

Tính đến tháng 12-2010, các dự án có vốn FDI tại Hải Phòng đã tạo việc làm cho 64.500 lao động trực tiếp và hàng trăm nghìn lao động gián tiếp khác. Đây là một đóng góp có ý nghĩa về mặt xã hội của ĐTNN đáng được quan tâm chú ý trong việc đánh giá hiệu quả của một dự án ĐTNN.

3. Những hạn chế trong thu hút và sử dụng FDI ảnh hưởng tới việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững ở Hải Phòng

3.1. Những hạn chế trong thu hút FDI

• *Hình thức đầu tư chưa đa dạng, khả năng góp vốn của Việt Nam trong các dự án còn thấp.*

Hoạt động thu hút FDI ở Hải Phòng tập trung ở 3 hình thức: doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, hợp đồng hợp tác kinh doanh. Doanh nghiệp FDI được thành lập theo hình thức công ty TNHH. Hải Phòng chưa chú trọng chuẩn bị điều kiện cho các hình thức thu hút khác như: chưa có nhiều công ty cổ phần, chưa có hình thức M & A (mua lại và sáp nhập) như thông lệ quốc tế. Mặt khác, đối tác đầu tư chưa đa dạng, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư thực sự có thế mạnh về công nghệ và vốn. Hiện chỉ có một số ít trong 1000 tập đoàn đa quốc gia hàng đầu thế giới tham gia đầu tư vào Hải Phòng, đó là Chervon, GE, Caltex, Total Gas, Nomura, LG,... nhưng phần lớn đều quy mô nhỏ, chưa nhiều dự án công nghệ cao.

Nguồn vốn góp của phía Việt Nam hiện chủ yếu góp bằng giá trị quyền sử dụng đất, số vốn góp của các doanh nghiệp Hải Phòng trong liên doanh mới chiếm 17% tổng vốn đăng ký, một tỷ lệ rất thấp.

• *Các dự án FDI phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu và bán thành phẩm, máy móc do chưa có ngành công nghiệp phụ trợ trong nước.*

Tính riêng khu vực FDI, Hải Phòng vẫn trong tình trạng nhập siêu lớn. Doanh nghiệp FDI phải nhập khẩu nhiều do máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, nguyên vật liệu trong nước chưa có hoặc không đạt yêu cầu về chất lượng. Điều này chứng tỏ mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI vẫn còn yếu, do năng lực của các doanh nghiệp trong nước quá thấp, chưa sản xuất được mặt hàng và nguyên liệu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, cũng như chưa hình thành được ngành công nghiệp phụ trợ, liên kết sản xuất theo chuỗi cung ứng hàng hóa. Thông thường công nghiệp phụ trợ có thể tạo ra 80% - 95% giá trị gia tăng cho sản phẩm,

tuy nhiên hiện các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp phải nhập khẩu 80% lượng sản phẩm phụ trợ. Do vậy chúng ta không thể bắt buộc các doanh nghiệp FDI phải mua nguyên vật liệu trong nước, vì điều này không giúp khuyến khích FDI và nếu tình trạng này kéo dài thì các doanh nghiệp FDI đầu tư vào gia công, lắp ráp cũng sẽ có thể rút khỏi thị trường Việt Nam.

• *Hạn chế trong công tác quy hoạch dẫn đến bất hợp lý về cơ cấu đầu tư FDI.*

Hải Phòng đã bộc lộ hạn chế trong cơ cấu đầu tư: đầu tư tập trung vào một số ngành công nghiệp truyền thống, đã sẵn có cơ sở vật chất kỹ thuật hoặc ngành có nguyên liệu sẵn có; cơ cấu vốn cho du lịch, dịch vụ còn thấp và hiếm dự án cho nông nghiệp, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu nông nghiệp phục vụ tiêu dùng trong, ngoài nước dù đã có những ưu đãi nhất định.

Việc thu hút FDI vào khu công nghiệp, khu chế xuất gặp khó khăn, hệ số cho thuê đất quá thấp. Việc quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp như: nhà ở, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, giao thông... chưa được tiến hành, do phải có vốn đầu tư lớn, làm hạn chế sự hấp dẫn với các nhà ĐTNN.

• *Chưa có FDI đầu tư chiều sâu công nghệ.*

Thực tế các nhà ĐTNN chưa đầu tư sâu vào công nghệ vì Việt Nam chưa có thị trường lớn cho sản phẩm công nghệ cao, cơ sở hạ tầng, nhân lực lại chưa đáp ứng các yêu cầu. Công nghệ đưa vào các doanh

nh nghiệp có vốn FDI dù ở mức khá, nhiều công nghệ tiên tiến, nhưng đều không phải là công nghệ nguồn, công nghệ thiết kế sản phẩm ban đầu. Ví dụ ngành thép mới chỉ thu hút được các công nghệ sản xuất sản phẩm thép, mà chưa chú ý đến việc nhập công nghệ sản xuất phôi thép hoặc thép đặc chủng. Hơn nữa, các dự án tiếp cận thị trường không theo kênh độc lập mà dựa vào đối tác nước ngoài, tức là công nghệ không được chuyển giao cho phía Việt Nam. Thậm chí ở cả công ty 100% vốn ĐTNN, vấn đề này cũng còn tồn tại.

3.2. Những hạn chế trong sử dụng FDI

• *Khu vực có vốn FDI chưa phát huy được tiềm năng và thế mạnh về xuất khẩu, tỷ lệ đóng góp vào ngân sách còn hạn chế, hiệu quả kinh tế thấp, chưa tạo được sự lan tỏa thực sự tới nền kinh tế.*

Cơ cấu FDI chưa đa dạng, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như may mặc, giày dép, dẫn tới cơ cấu xuất khẩu chủ yếu là các mặt hàng như giày dép, may mặc, thủy sản, thực phẩm có giá trị gia tăng thấp, chưa có các mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao. Việc gia tăng FDI đang có xu hướng làm trầm trọng hơn cán cân thương mại, cụ thể là thâm hụt thương mại. Hải Phòng hiện vẫn trong tình trạng nhập siêu, đặc biệt là khu vực FDI. Đây là một điều thể hiện sự không bền vững trong tăng trưởng. Xuất khẩu của khu vực FDI có tăng qua các năm nhưng vẫn nhỏ hơn nhiều so với nhập khẩu của khu vực này.

BẢNG 3: Trị giá hàng hóa xuất, nhập khẩu của khu vực FDI

ĐVT: 1000 USD

Năm	2000	2005	2006	2007	2008	2010
Tổng kim ngạch	226.394	825.367	1.157.166	1.539.971	1.960.450	2.420.786
Xuất khẩu	78.557	314.401	441.326	641.133	866.993	1.122.816
Tỷ trọng (%)	34,7	38,1	38,1	41,6	44,2	46,4
Nhập khẩu	147.837	510.966	715.840	898.838	1.093.457	1.297.970
Tỷ trọng (%)	65,3	61,9	61,9	58,4	55,8	53,6

Nguồn: Niên giám thống kê Hải Phòng; Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng.

• Chưa có sự cân đối cơ cấu đầu tư về ngành nghề và khu vực.

Hai năm gần đây cơ cấu kinh tế Hải Phòng bộc lộ sự bất cập, phát triển thiếu bền vững, tăng trưởng dựa nhiều vào xuất khẩu và sự gia tăng năng lực sản xuất của dự án mới. Mục đích cao nhất của nhà đầu tư là lợi nhuận, do đó họ chỉ quan tâm những ngành, dự án tỷ suất lợi nhuận cao; còn dự án, lĩnh vực dù rất cần thiết cho dân sinh, nhưng không đưa lại lợi nhuận thỏa đáng thì không thu hút được FDI.

Đối với các ngành nghề, nhà ĐTNN vẫn chỉ đầu tư vào các ngành có khả năng sinh lợi cao, rủi ro thấp. Hiện Hải Phòng vẫn tập trung vào các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp (chiếm 70% - 75% số dự án FDI và 40% - 50% giá trị đầu tư). Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản mặc dù rất có lợi thế thì đến nay mới chỉ có một dự án với số vốn đăng ký rất khiêm tốn nhưng cũng chuẩn bị giải thể.

Từ năm 2007, FDI hướng quá nhiều vào bất động sản, sân golf, tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn tới bất ổn cho nền kinh tế, tạo nên bong bóng bất động sản. Theo nhiều chuyên gia kinh tế, dòng tiền không nên tăng mạnh ở những ngành tập trung vốn mà ít có sức tác động lan tỏa về công nghệ, kỹ năng như bất động sản, khách sạn.

Các dự án thường chỉ tập trung ở các quận, huyện có điều kiện cơ sở hạ tầng phát triển như các quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, huyện: Thủy Nguyên, An Dương...; trong khi đó các quận, huyện phía Nam xa thành phố như: Kiến An, Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo thì rất ít dự án FDI được triển khai tại đây, tạo ra sự chênh lệch về mức sống của người dân tại các khu vực.

• Sự yếu kém trong chuyển giao công nghệ tác động xấu tới môi trường.

Ngoài hệ số ICOR để đánh giá vai trò của FDI với tăng trưởng kinh tế, còn có hệ số TFP (hệ số năng suất các nhân tố tổng hợp). ở khối FDI, theo các chuyên gia kinh tế khi bình quân chỉ số này âm nghĩa là sự tăng

trưởng chủ yếu nhờ các yếu tố như lao động rẻ, chứ không phải do công nghệ hay chất lượng nhân lực. Khảo sát ở nhiều doanh nghiệp FDI cho thấy, máy móc, công nghệ được nhập vào Việt Nam đều cũ hoặc đã khấu hao hết. Doanh nghiệp nước ngoài hầu như mới khai thác nguồn lao động rẻ, chưa thực hiện nhiều việc chuyển giao kỹ thuật cao và đào tạo nhân lực để phát triển công nghiệp nội địa. Từ khi Sanyo thành lập nhà máy sản xuất linh kiện điện tử đầu tiên tới nay, các ngành công nghiệp vẫn chỉ sản xuất những mặt hàng đơn giản, sản phẩm công nghệ cao cũng chỉ là lắp ráp. Chính vì các công đoạn cần kỹ thuật cao chưa được giao cho do lao động Việt Nam đảm nhận, nên việc học hỏi, tích lũy kinh nghiệm ở các doanh nghiệp FDI chưa nhiều.

• Tranh chấp và các điều kiện lao động trong khu vực có vốn ĐTNN chưa được giải quyết kịp thời, hiệu quả sử dụng lao động chưa cao.

Các tranh chấp lao động là khó tránh, đặc biệt trong những thời điểm doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động, hoặc khi doanh nghiệp gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh. Do thiếu sự liên kết và đến lúc quá cần lao động, nhiều doanh nghiệp đã tự đến các địa phương để tuyển dụng. Công ty XF (KCN Nomura) có thời điểm thiếu 1.000 công nhân, phải tới từng địa phương, từng trường đại học để tuyển người. Mức tiền công trả cho người lao động thấp hơn mức họ đáng được hưởng, không thỏa đáng với cống hiến của người lao động. Điều đó dẫn đến mâu thuẫn giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, tình trạng đình công bãi công từ đó xuất hiện ở nhiều doanh nghiệp FDI.

• Các dự án được cấp phép thực hiện không đúng tiến độ gây lãng phí tài nguyên, đất đai, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Công nghệ quản lý sau cấp phép còn lạc hậu và thủ công, chưa đi sâu ứng dụng công nghệ thông tin nên việc thu thập và xử lý

thông tin chậm, thiếu chính xác. Do yêu cầu cấp bách về vốn cho xây dựng phát triển kinh tế, nên Hải Phòng chỉ tập trung vào việc lấy thông tin, xúc tiến khai trương dự án để được cấp giấy phép, sau đó xem nhẹ khâu quản lý và giải quyết vướng mắc cho các doanh nghiệp FDI. Cơ quan quản lý và chính quyền chưa sâu sát, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của dự án, đặc biệt với dự án đang gặp khó khăn, có biểu hiện nường nhẹ việc xử lý đối với những sai phạm. Chất lượng nhiều dự án đã cấp phép chưa cao, nhiều dự án triển khai rất chậm hoặc không triển khai. Điển hình là một số dự án lớn như KCN Đồ Sơn chỉ một phần diện tích được sử dụng, đối tác nước ngoài vẫn chưa thực hiện cam kết trong hợp đồng liên doanh, mới chỉ góp 2,7 triệu USD (2 triệu USD là tiền “đặt cọc”, đạt 15,4 % cam kết) và cũng chưa cho bên thành phố vay 2 triệu USD như cam kết, trong khi đó, phía Việt Nam đã góp 5,29 triệu USD, đạt 70,5% vốn cam kết.

• *Các doanh nghiệp FDI chưa bảo vệ và khai thác tài nguyên hiệu quả, bền vững, tác động xấu tới môi trường.*

Hải Phòng có nhiều dự án FDI trong các ngành công nghiệp đòi hỏi sử dụng lượng lớn tài nguyên, khoáng sản như: sản xuất xi măng, sắt, thép. Việc bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên chưa đảm bảo hiệu quả, bền vững. Một số doanh nghiệp lớn tuy được cấp phép khai thác mỏ nhưng không khai thác, mà đi thu gom từ thị trường với những nguồn khác nhau như công ty Xi măng Chinfon, Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng tổ chức mua đá, đất sét ngoài... đã tạo ra việc khai thác trái phép và bừa bãi trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, làm tài nguyên bị tàn phá, gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý, làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường... Bên cạnh đó một số doanh nghiệp FDI tại Hải Phòng trong quá trình hoạt động đã có tác động tiêu cực tới môi trường; số lượng doanh nghiệp FDI vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt là hành

vi xả chất thải độc hại ra môi trường có xu hướng tăng. Một số khu vực đã ô nhiễm, ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân cũng như tác động không tốt tới việc thu hút đầu tư. Công ty Xi măng Chinfon gần đây đã bị người dân phong tỏa do làm ô nhiễm môi trường. Hay một số nhà đầu tư muốn vào khu công nghiệp Đình Vũ nhưng lo ngại bị ảnh hưởng bởi khói, bụi của Công ty cổ phần Thép Đình Vũ và Nhà máy Phân bón DAP. Những hậu quả về môi trường nếu không được xem xét kỹ lưỡng khi quyết định cấp phép đầu tư sẽ làm giảm tính bền vững của tăng trưởng kinh tế.

4. Giải pháp thu hút và sử dụng FDI

FDI đã và đang đóng một vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển trên thế giới. Tuy nhiên vấn đề quan trọng hơn đó là tăng trưởng phải mang tính bền vững, ổn định và không để lại các hậu quả tới môi trường, xã hội thì không phải quốc gia nào cũng thực hiện được. Tác giả đề xuất một số giải pháp thu hút và sử dụng FDI tại Hải Phòng thời gian tới nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững của Thành phố:

4.1. Giải pháp thu hút

• *Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư phải gắn với việc thúc đẩy tăng trưởng các ngành kinh tế mũi nhọn của Hải Phòng.*

Để khắc phục hạn chế trong công tác quy hoạch dẫn đến bất hợp lý về cơ cấu đầu tư FDI, trước hết phải đảm bảo đầu tư đúng hướng, đúng mục đích; đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm. Trong quá trình thu hút và sử dụng vốn FDI, ngoài mục tiêu tranh thủ vốn, công nghệ, kinh nghiệm, Hải Phòng cần chú ý đến yêu cầu đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế tương xứng với tiềm năng cũng như lợi thế so sánh của Thành phố. Cần xuất phát từ điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của Hải Phòng để xây dựng quy hoạch các ngành kinh tế mũi nhọn có liên quan đến vốn ĐTNN trong giai đoạn tới bao gồm một số đặc trưng chủ yếu: tăng trưởng hướng vào xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế

so sánh, chọn sản phẩm mũi nhọn để tạo thế “đột phá” Hiện tại, Thành phố đã hình thành các ngành công nghiệp mũi nhọn, chủ lực: đóng và sửa chữa tàu, sản xuất thép, sản xuất thiết bị cơ khí siêu trường, siêu trọng, sản xuất giày dép, dệt may,... các ngành dịch vụ gắn với kinh tế biển, logistic, du lịch, tài chính, ngành nông nghiệp sử dụng công nghệ sinh học hiện đại.

• *Tạo môi trường kinh doanh và khả năng tiếp cận thị trường thuận lợi.*

Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư tiếp cận thị trường là một yêu cầu tất yếu, nhưng lại đòi hỏi nỗ lực lâu dài và khó khăn đối với Thành phố, vì muốn mang lại tính hấp dẫn đầu tư đối với thị trường nội địa, chỉ có thể bằng cách nâng cao mức sống và thu nhập người dân, khuyến khích tiêu dùng. Biện pháp này phải có thời gian và chịu tác động của nhiều yếu tố khác. Vấn đề trước mắt Hải Phòng nên hướng tới là nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng, cắt giảm chi phí xuất khẩu, vận tải bằng cách nâng cấp mạng lưới, phương tiện chuyên chở trong thành phố và tại cảng, giảm thời gian, thủ tục và chi phí thông qua cảng cho doanh nghiệp.

Môi trường kinh doanh tại Thành phố còn chứa đựng các yếu tố không thuận lợi khác là sự thiếu hụt nguyên liệu và công nghiệp hỗ trợ, dẫn đến tăng chi phí sản xuất. Do đó, Thành phố cần có kế hoạch hỗ trợ và khuyến khích phát triển các ngành sản xuất bán thành phẩm đầu vào cho các ngành chế tạo.

Để tạo một môi trường đầu tư thuận lợi theo cơ chế thị trường, Thành phố nên hỗ trợ, thúc đẩy việc hình thành và phát triển các thị trường vốn, lao động, thị trường bất động sản nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh.

• *Đa dạng hóa hình thức thu hút vốn và mở rộng lĩnh vực đầu tư phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội của Hải Phòng.*

Mỗi hình thức ĐTNN đều có mặt mạnh và mặt hạn chế của nó, việc lựa chọn hình

thức nào là còn tùy thuộc vào khả năng, điều kiện của Thành phố và khả năng, điều kiện của đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, việc đa dạng hóa các hình thức thu hút vốn FDI với các bước đi thích hợp sẽ góp phần mở rộng thêm các kênh thu hút, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư linh hoạt lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp.

Thành phố cần quan tâm đến việc chuyển đổi, cơ cấu lại doanh nghiệp FDI. Cần có chương trình đối với các doanh nghiệp gia công (dệt may, giày da), lắp ráp (thiết bị điện, điện tử) từng bước chuyển sang đầu tư trực tiếp.

UBND thành phố cần tiếp tục lập danh mục và chủ động hình thành các dự án kêu gọi FDI hàng năm, nêu rõ những dự án nào thuộc lĩnh vực liên doanh, còn lại cho phép đầu tư 100% vốn nước ngoài, trước hết là những dự án công nghệ cao, xuất khẩu sản phẩm. Thay vì khuyến khích thu hút FDI vào một số ngành như hiện nay, nên quy định một số lĩnh vực cấm đầu tư và cho phép các nhà ĐTNN đầu tư vào các lĩnh vực còn lại. Việc này tuy đã được triển khai nhưng không thường xuyên nên ảnh hưởng tới việc thu hút FDI.

Để khai thác thêm các kênh thu hút đầu tư mới, ngoài những hình thức đầu tư đã có, cần nhanh chóng áp dụng cũng như phát triển các hình thức đầu tư công ty quản lý vốn, công ty hợp danh, công ty cổ phần có vốn ĐTNN. Hiện nay, mô hình công ty cổ phần có vốn ĐTNN là hình thức phổ biến trên thế giới. Hải Phòng cần chuẩn bị tốt các điều kiện để thu hút vốn FDI thông qua kênh này. Việc thành lập các công ty cổ phần có vốn ĐTNN sẽ làm đa dạng các kênh thu hút, tạo điều kiện phát triển nhiều ngành nghề truyền thống đã có uy tín của Hải Phòng... Với quy mô các ngành đó, nên có các biện pháp thu hút FDI bằng việc cho phép các nhà ĐTNN hợp tác cùng các nhà đầu tư Việt Nam thành lập công ty cổ phần ĐTNN, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thu hút thêm vốn đầu tư từ nguồn trong và ngoài nước thông qua phát hành trái phiếu,

cổ phiếu trong khuôn khổ pháp luật qui định. Đồng thời đây cũng là biện pháp quan trọng khắc phục tình trạng thiếu mặt bằng xây dựng cơ sở cho các nhà đầu tư vấn đề lớn nhất hiện nay, có thể tận dụng ngay mặt bằng của các công ty trong nước.

• *Nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động xúc tiến đầu tư.*

Xúc tiến đầu tư là các hoạt động giới thiệu, quảng cáo cơ hội đầu tư và hỗ trợ đầu tư của nước chủ nhà. Các hoạt động này được thực hiện bởi Chính phủ, nhà khoa học, doanh nhân... bằng nhiều hình thức như các chuyến thăm viếng ngoại giao các cấp, các hội thảo khoa học, diễn đàn đầu tư, các đoàn thăm quan khảo sát... và thông qua các phương tiện thông tin, xây dựng các mạng lưới văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Một trong những biện pháp quan trọng trước mắt để đẩy mạnh thu hút vốn FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững có tính chất đột phá là cần thay đổi hình thức, phương pháp cũng như nội dung xúc tiến đầu tư, bố trí nguồn tài chính cần thiết thích hợp để thực hiện xúc tiến.

Cần nâng cao chất lượng các tài liệu phục vụ xúc tiến đầu tư như: trang web về đầu tư, sách giới thiệu về môi trường đầu tư của Hải Phòng đảm bảo cập nhật thường xuyên các chính sách mới của Nhà nước và Thành phố. Nội dung xúc tiến đầu tư tập trung vào giới thiệu môi trường đầu tư (các chính sách ưu đãi, các tiềm năng, lợi thế, các loại chi phí, trình tự thủ tục xin giấy phép đầu tư) và giải đáp các câu hỏi của các nhà đầu tư tiềm năng. Bên cạnh đó cần chú trọng hơn nữa quảng bá hình ảnh thành phố qua cổng thông tin điện tử của UBND thành phố và Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng.

UBND Thành phố cần lập danh mục dự án, dự án tiềm khả thi cho một số dự án quan trọng để giới thiệu, quảng bá, hỗ trợ kinh phí để các doanh nghiệp chủ động lập các dự án tiềm khả thi thu hút đầu tư nước ngoài.

Hải Phòng cần chủ động chuyển hướng sang khu vực Bắc Mỹ, Nga, EU nơi có

nhiều tập đoàn kinh tế lớn mạnh với hàm lượng kỹ thuật cao, sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, cần tiếp tục vận động các nhà đầu tư Nhật Bản, Singapore, Đài Loan có tiềm lực, thế mạnh ở những lĩnh vực mà Thành phố đang có nhu cầu. Bởi vì các chiến lược của TNCs đầu tư tại các nước đang phát triển là chiến lược dài hạn nên khi gặp khó khăn, họ có thể điều chỉnh chiến lược đầu tư như giảm tiến độ thực hiện dự án, chưa triển khai dự án mới... nhưng vẫn tiếp tục duy trì sự có mặt của họ ở những địa bàn đã được lựa chọn.

4.2. Giải pháp sử dụng

• *Tăng cường vai trò quản lý các dự án đã được cấp giấy phép.*

Đây là một trong những nội dung quan trọng nhất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng FDI, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn cũng như tạo lòng tin cho nhà ĐTNN. Cơ quan cấp phép thường chỉ chú ý đến việc ra quyết định cấp phép đầu tư nhưng lại buông lỏng quản lý, giám sát các dự án sau khi đi vào triển khai, dẫn đến có những hiện tượng các doanh nghiệp xả nước thải làm ô nhiễm môi trường nhưng phải nhiều năm sau đó mới phát hiện. Quản lý dự án sau cấp phép là giai đoạn phức tạp trong toàn bộ qui trình thực hiện đầu tư cũng như quản lý nhà nước với hoạt động FDI, có ảnh hưởng rất lớn đến thái độ hợp tác của các nhà đầu tư đang có dự án hoạt động.

Tăng cường quản lý là làm cho bộ máy quản lý có hiệu lực, quản lý theo luật pháp, tăng cường vai trò chủ động và trách nhiệm của doanh nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, không gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Thành phố cần rà soát các dự án đã cấp giấy phép đầu tư. Các cơ quan quản lý cần phối hợp chặt chẽ, xử lý kịp thời và kiên quyết những vi phạm pháp luật, vi phạm giấy phép đầu tư. Kiên quyết rút giấy phép các dự án không có triển vọng, dành địa điểm cho các nhà đầu tư có thực lực. Đối với

các dự án có khả năng triển khai, nhưng gặp khó khăn, cần tập trung tìm giải pháp xử lý dứt điểm để các dự án sớm đi vào hoạt động.

Xây dựng cơ chế phù hợp phân chia lợi nhuận thu được để đảm bảo lợi ích Nhà nước và của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ quản lý liên doanh để các đơn vị đối tác này quan tâm hơn nữa đến việc quản lý liên doanh, bảo toàn vốn của Nhà nước.

• *Xây dựng chiến lược tiếp thu kỹ thuật, công nghệ trong các dự án FDI.*

Nhằm tránh khỏi những tác động không tốt khi thu hút và sử dụng vốn FDI, tránh tình trạng trở thành bãi rác thải công nghệ của các nước phát triển, Thành phố cần xây dựng chiến lược tiếp thu và phát triển kỹ thuật, công nghệ nhiều tầng và chu kỳ đổi mới công nghệ chung của thành phố làm cơ sở hướng dẫn và chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng chiến lược riêng. Cần chú trọng đổi mới, chế tạo thiết bị và đổi mới quản lý để sau một thời gian thích hợp từng bước thay thế và làm chủ về kỹ thuật và công nghệ mới. Để làm được điều đó lại đòi hỏi một lực lượng cán bộ kỹ thuật và quản lý có năng lực và kinh nghiệm tương xứng. Do đó, Thành phố nên có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực song song với việc tiếp thu công nghệ.

Đội ngũ công nhân tay nghề cao ở Hải Phòng hiện nay đã quá tuổi, tay nghề cũng không thích ứng với quy trình sản xuất áp dụng công nghệ mới, nên không đáp ứng được yêu cầu. Trước mắt cũng như lâu dài, Thành phố cần đặc biệt chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, các nhà quản lý doanh nghiệp có đầu óc chiến lược trong phát triển kinh tế. Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, chuyên viên có triển vọng và đạo đức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng chuyên ngành phù hợp với doanh nghiệp được bố trí, nhất là các doanh nghiệp trọng điểm.

Thành phố cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng nghiệp, có chính sách ưu đãi (học phí, học bổng ...), định hướng mở mang

ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển của nền công nghiệp tiên tiến, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, các trung tâm dạy nghề nhằm tạo ra đội ngũ công nhân có kiến thức, trình độ chuyên môn cao và khả năng ngoại ngữ tốt để có thể đáp ứng được nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp FDI.

• *Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng của các dự án.*

UBND thành phố cần chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành ngay các thủ tục thu hồi đất và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án FDI không có khả năng triển khai hoặc chưa có kế hoạch sử dụng hết diện tích đất đã được giao để chuyển cho các dự án đầu tư mới có hiệu quả hơn. Đồng thời, chủ động tổ chức việc đền bù giải tỏa và giao đất cho chủ đầu tư theo đúng cam kết, đặc biệt là các dự án quy mô lớn mà chủ đầu tư sẵn sàng giải ngân thực hiện dự án. Đối với các khu đất được quy hoạch để hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, Thành phố có thể: hỗ trợ 100% kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, rà phá vật liệu nổ trên lô đất mà chủ đầu tư thuê để thực hiện dự án trong trường hợp chủ đầu tư trả trước chi phí này (chi phí này sẽ được trừ dần vào tiền thuê đất hàng năm); hoặc hỗ trợ đối với các dự án thuê đất để triển khai các dự án thiết thực phục vụ dân sinh như giáo dục, y tế, môi trường.

• *Biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên.*

Cần hạn chế các ngành khai thác tài nguyên, đặc biệt những loại tài nguyên không thể tái tạo và phải có các quy định, chế tài xử phạt rõ ràng với các trường hợp dự án làm thất thoát, lãng phí tài nguyên của Thành phố. FDI phải gắn phát triển khai thác với chế biến bằng công nghệ hiện đại để vừa nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, vừa đảm bảo yêu cầu về môi trường và an ninh trật tự xã hội.

Khi lựa chọn một công nghệ, ngoài việc đánh giá trình độ hiện đại về tính năng kỹ

thuật, vấn đề giải quyết việc làm do công nghệ đó đem lại, chúng ta không thể bỏ qua vấn đề tiết kiệm nguồn tài nguyên của mỗi giải pháp công nghệ. Một giải pháp công nghệ được gọi là tiết kiệm nguồn tài nguyên không có nghĩa chỉ dừng lại ở việc giảm thiểu chi phí vật liệu đầu vào trên một đơn vị sản phẩm, mà nó còn phải tận dụng được nguồn tài nguyên hiện có trong nước, song vẫn cho ra sản phẩm cuối cùng có cùng tính năng so với sản phẩm khác cùng loại.

- *Biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.*

Chúng ta cần phải cân nhắc xử lý hài hòa vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế trong mỗi giải pháp cụ thể; hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; cần có một hệ thống quản lý theo ngành dọc thống nhất để có thể quản lý chặt chẽ hơn công tác bảo vệ môi trường ở từng cơ sở, trong và ngoài khu công nghiệp. Ngoài việc cụ thể hóa những quy định pháp luật và xem xét tính hợp lý của một số chỉ tiêu về môi trường, cần nâng cao hiệu lực của Luật Bảo vệ môi trường. Các cơ quan quản lý cần cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật cho các doanh nghiệp FDI và tư vấn cho doanh nghiệp về thực thi pháp luật môi trường.

Các cơ quan chức năng cũng cần có những biện pháp hữu hiệu hơn trong việc hạn chế nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu, nguyên liệu, hàng hóa mà trong nước sản xuất được. Qua hậu kiểm,

nếu phát hiện các máy móc, thiết bị lạc hậu, nguyên liệu sản xuất gây ô nhiễm môi trường kiên quyết yêu cầu tái xuất. Như vậy mới tạo được sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy kinh tế phát triển và cải thiện môi trường đầu tư.

Hướng tới sự phát triển bền vững, từ năm 2011, Thành phố cần kiên quyết không chấp thuận đầu tư đối với những dự án công nghiệp vào những địa điểm nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Đây chính là điều kiện để quản lý và xử lý chất thải công nghiệp (nhất là nước thải) bảo vệ môi trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê thành phố Hải Phòng (2003, 2005, 2008), *Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng 2000-2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Trần Mai Hương (2010), "Sản xuất công nghiệp FDI năm 2011: cơ hội cơ cấu lại sản xuất", *Báo điện tử Hải Phòng - www.baohaiphong.com.vn*.
3. Sở Kế hoạch và đầu tư (2010), *Báo cáo tổng hợp tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài quý VI, cả năm 2010 và kế hoạch năm 2011 tại thành phố Hải Phòng*, Hà Nội
4. UBND thành phố Hải Phòng (2010), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng 5 năm 2006-2010*, Hải Phòng.
5. UBND thành phố Hải Phòng (2010), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa 13, trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ 14, Hải Phòng.